TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/ HNGĐ-ST
Ngày:15/9/2017
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tân

Ông Nguyễn Văn Tấn

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Ly – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2017/TLST - HNGĐ ngày 11/7/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2017/QĐST - HNGĐ ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc S - sinh năm 1976

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Th - sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số 363/124 Nguyễn Tr, Tổ 8, phường Quảng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi,

Chị S có mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/7/2017, các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Th kết hôn năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã Phổ Minh và rất hạnh phúc, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do anh Th có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, về nhà còn đánh chị. Để đảm bảo hạnh phúc gia đình chị đã khuyên anh Th nhiều lần nhưng anh Th vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cải vã với nhau. Năm 2014, chị nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Nhưng sau đó, chị vì các con và với hy vọng anh Th sẽ thay đổi, sữa chữa những sai lầm để vợ, chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau lo làm ăn, nuôi dưỡng các con, nên chị rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, khi về chung sống anh Th không thay đổi, sửa chữa những sai lầm mà tiếp tục quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác ở gần nhà rồi về tìm cách gây chuyện và đánh chị, nên từ tháng 01/2016 đến nay giữa chị và anh Th phần ai nấy sống, công việc ai người đó tự làm, không hỏi nói với nhau. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh Th không còn thương yêu nhau, mâu thuẫn vợ, chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Th.

- Về con chung: Chị và anh Th có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 06/3/2002 và Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 01/11/2011, các cháu hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nhận được nuôi hết hai con chung, yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 cháu).

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có.

* *Tại bản tự khai ngày 11/7/2017 anh Nguyễn Th trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung đúng như chị Nguyễn Thị Ngọc S trình bày.

Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do chị S nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, nhưng thực tế anh không có quan hệ với ai, hiện nay anh vẫn còn thương yêu vợ, con. Do vậy, chị S xin ly hôn anh không đồng ý.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị S ly hôn thì anh nhận nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung tùy theo khả năng của chị S, trường hợp các con muốn ở với chị S thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 01 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung anh đồng ý theo lời trình bày của chị S

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu quan điểm như sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán tuân thủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đúng quan hệ tranh chấp.

- Tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người thạm gia tố tụng: Đúng theo pháp luật.

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng theo thẩm quyền.

- Về thu thập chứng cứ: Đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật

- Tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng: Đúng theo quy định của pháp luật.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn anh Nguyễn Th.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 06/3/2002, và cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 01/11/2011, anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 cháu).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Th phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Về nội D:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc S và anh Nguyễn Th kết hôn với nhau vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do anh Th có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, về nhà còn đánh chị S. Để đảm bảo hạnh phúc gia đình chị S đã khuyên anh Th nhiều lần nhưng anh Th vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ, chồng thường xuyên cải vã với nhau. Năm 2014, chị S nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ yêu cầu giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Th. Nhưng sau đó, chị S vì các con và với hy vọng anh Th sẽ thay đổi, sữa chữa những sai lầm để vợ, chồng hàn gắn tình cảm cùng nhau lo làm ăn, nuôi dưỡng các con, nên chị S rút đơn khởi

kiện. Tuy nhiên, khi về chung sống anh Th vẫn không thay đổi, sửa chữa những sai lầm mà tiếp tục quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác ở gần nhà rồi về tìm cách gây chuyện và đánh chị, nên từ tháng 01/2016 đến nay giữa chị và anh Th phần ai nấy sống, công việc ai người đó tự làm, không hỏi nói với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh Th đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S xin ly hôn anh Th là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị S và anh Th có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 06/3/2002 và cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 01/11/2011. Xét yêu cầu của chị S và anh Th đều có nguyện vọng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các con của chị S, anh Th hiện nay do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 06/3/2002 là khi chị S, anh Th ly hôn cháu muốn ở với chị S, còn cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 01/11/2011 hiện nay chưa đủ 7 tuổi. Mặc khác chị S làm nghề giáo viên, còn anh Th làm nghề lái xe tải đường dài có lúc từ 05 đến 07 ngày mới về nhà, nên chị S có điều kiện chăm sóc các con nhiều hơn. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất, lẫn tinh thần, đảm bảo việc học hành của các cháu về lâu dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị S. Giao cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 06/3/2002 và cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 01/11/2011. Buộc anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 01 cháu (02 cháu x 1.500.000/tháng = 3.000.000 đồng/tháng).

[3]. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Th phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc S đối với anh Nguyễn Th.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều D, sinh ngày 06/3/2002, và cháu Nguyễn Ngọc Khánh L, sinh ngày 01/11/2011. Buộc anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/ 01 cháu (02 cháu x 1.500.000/tháng = 3.000.000 đồng/tháng).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

[3]. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc S phải chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2014/0004844 ngày 11/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[6]. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Th phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ, án văn;